TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19-9-2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Phạm Công Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đạo

Bà Dương Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lý Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974; cư trú tại Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Vy Thị H, sinh năm 1975; cư trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với chị Vy Thị H vào tháng 11 năm 1992, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn ngày 30/3/1999, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống tại Thôn H, xã Đ, huyện B,

tỉnh Lạng Sơn, ban đầu tình cảm vợ chồng đối xử với nhau bình thường. Đến năm 2015 anh Đ phạm tội mua bán trái phép chất ma túy phải đi chấp hành án đến năm 2021 được trở về với gia đình, địa phương. Chị Vy Thị H đi làm công ty không về chung sống với anh Đại. Anh Nguyễn Văn Đ đã nhiều lần khuyên bảo và cũng nhờ hai bên gia đình nội ngoại khuyên bảo nhưng chị Hương không nghe. Sau đó chị Vy Thị H vẫn đi làm công ty, thi thoảng chị mới về thăm con, cháu. Anh Nguyễn Văn Đ đã sống ly thân với chị Vy Thị H từ cuối năm 2021 đến nay, không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Vy Thị H.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 06/3/1994. Hiện nay cháu L đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn, chị Vy Thị H không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình chị Vy Thị H; đại diện Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và xác minh tại Công an xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đại diện thôn H, xã Đ, Công an xã Đ và gia đình chị Vy Thị H đều khẳng định chị Vy Thị H vẫn có hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và lập biên bản niêm yết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị Vy Thị H vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn chị Vy Thị H không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn chị Vy Thị H vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Vy Thị H. Về con chung: đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Về án phí, buộc nguyên đơn Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Vy Thị H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Bị đơn chị Vy Thị H vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Vy Thị H là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Vy Thị H kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B vào ngày 30/3/1999 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Vy Thị H là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài không hòa giải được. Anh Nguyễn Văn Đ và chị Vy Thị H đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

[4] Xác định tình trạng quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Vy Thị H thấy rằng: Chị Vy Thị H không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến về việc anh Nguyễn Văn Đ có đơn xin ly hôn với chị. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa Nguyễn Văn Đ và chị Vy Thị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu xin ly hôn với chị Vy Thị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Có 01 người con chung tên là Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 06/3/1994, hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày là không có; quá trình giải quyết vụ án chị Vy Thị H vắng mặt, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 40 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 51, khoản 1, Điều 56, các Điều 57, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ. Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Vy Thị H.

2. Về con chung: Có 01 người con chung tên là Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 06/3/1994, hiện nay con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận anh Nguyễn Văn Đ đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002948 ngày 29/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Vy

Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Đức